

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 757/2025/HS-ST
Ngày: 02-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Minh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 977/2025/TLST-HS ngày 24/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6685/2025/QĐXXST-HS ngày 11/11/2025 đối với các bị cáo:

1. Chu Mạnh C; giới tính: nam; sinh ngày 13/10/1995 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: T, phường V, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: căn hộ AK5-12A.09 chung cư A, số G V, phường A, quận B (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Chu Văn B, sinh năm 1969 và bà Phùng Thị L, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Lê Thị Lan A, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn Q; giới tính: nam; sinh ngày 01/12/1999 tại tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng); nơi thường trú: thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng); chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ 32.09 chung cư Panorama, số B L, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

3.Đỗ Tùng L1; giới tính: nam; sinh ngày 22/5/1996 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Số nhà B, ngách A, ngõ D, đường T, phường T, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng D505, chung cư B, F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

4.Lê Quang H; giới tính: nam; sinh ngày 12/12/1990 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Số nhà B đường H, phường Q, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ C chung cư B, số F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Quang H1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Hoàng Thị H3, sinh năm 1995 và 02 người con (con lớn Lê Hoàng N, sinh năm 2014 và con nhỏ Lê Quang S1, sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

5.Hoàng Thế N1; giới tính: nam; sinh ngày 20/10/1994 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Số nhà A đường P, phường P, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ C chung cư B, số F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Hoàng Thế V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1963; bị cáo có vợ Ngô Yến P, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và có 01 con tên Hoàng Hải Đ1, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

6.Hà Bá T3; giới tính: nam; sinh ngày 02/5/1991 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: thôn T, xã C, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng D505, chung cư B, F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Hà Văn K, sinh năm 1968 và bà Lê Thị L2, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Tất L3, sinh năm 1997 và 02 người con (con lớn Hà Nhất M, sinh năm 2018 và con nhỏ Hà Mộc T4, sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

7.Nguyễn Văn N2; giới tính: nam; sinh ngày 08/5/1996 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: P, phường P, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ B02.18, BlockB, chung cư B, F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao

động tự do; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Chu Thị H4, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Hoàng Thị T5, sinh năm 1996 và có 01 người con tên Nguyễn Bảo A1, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

8.Đỗ Văn C1; giới tính: nam; sinh ngày 18/02/1998 tại tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng); nơi thường trú: thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng); chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ 32.09 chung cư Panorama, số B L, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đỗ Văn T6 (đã chết) và bà Võ Thị T7, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Phạm Thị L4, sinh năm 1999 và 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 2020 và 02 con nhỏ, cùng sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

9.Trần Quốc T8; giới tính: nam; sinh ngày 22/11/1989 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: 1 Cầu T, phường S, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ 32.09 chung cư Panorama, số B L, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Quốc T9, sinh năm 1958 và bà Đào Thị N3, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Đào Thị T10, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 02 người con (con lớn Trần Nhật T11, sinh năm 2011 và con nhỏ Trần Hải A2, sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

10.Cao Đắc N4; giới tính: nam; sinh ngày 29/6/1997 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: 0 phố P, phường V, thị xã S (nay là phường S), thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ 32.09 chung cư P, số B L, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Cao Đắc H5, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thúy H6, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Anh T12, sinh năm 1996; nơi cư trú: 722 Ấp E, xã P, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Phan Thị N5, sinh năm 1986; nơi cư trú: 6 B, phường A, quận B (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Lê Kim X, sinh năm 1988; nơi cư trú: 196/9 Ấp C, xã H, huyện N (nay là xã H), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Nguyễn Văn P1, sinh năm 1995; nơi cư trú: A H, P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Lê Thành N6, sinh năm 1995; nơi cư trú: B L, phường G, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

6/ Nguyễn Thị Cẩm N7, sinh năm 1990; nơi cư trú: I H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). (Có mặt tại phiên tòa)

7/ Trần Lâm D, sinh năm 1988; nơi cư trú: S C P, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

8/ Phan Thị Hương T13, sinh năm 1978; nơi cư trú: 4 C, T, T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

9/ Lê Thị Lan A, sinh năm 1998; nơi cư trú: G N, Phường A, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4/2023, Chu Mạnh C nảy sinh ý định cho nhiều người vay tiền trả góp với lãi suất từ 360%/năm trở lên, cho vay trả đứng với lãi suất từ 540%/năm trở lên và phí dịch vụ cho một lần vay là từ 02% đến 10%. Để thực hiện hoạt động cho vay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, C thuê Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H giúp C1 tổ chức thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Trong quá trình tổ chức cho vay, Chu Mạnh C lập một nhóm chung trên ứng dụng Messenger tên “Nhóm mới Nổi” để cùng tất cả các thành viên trong nhóm trao đổi thông tin người vay, tập hợp nhóm để đi đòi tiền vay. Mạnh Cường phân công nhiệm vụ từng thành viên gồm: thành viên chạy quảng cáo tìm nguồn khách vay tiền, xác minh nhân thân điều kiện cho vay; thành viên trực tiếp cho vay; thành viên thu lãi, ghi chép sổ sách; thành viên nhắn tin đòi tiền, tạt sơn khi khách vay không trả tiền. Đối với những trường hợp người vay chậm trả tiền vay thì C chỉ đạo những người làm trong nhóm cho vay thống nhất thực hiện việc nhắn tin, gọi điện thoại, tạt sơn vào nhà của người vay tiền để đòi tiền. C thỏa thuận những thành viên trực tiếp cho vay được lo chỗ ở, chi phí ăn uống và cuối năm được chia 30%/doanh thu của người trực tiếp cho vay (đã tất toán hết tất cả các chi phí, kể cả khoản tiền người vay không thu hồi được) và thỏa thuận trả lương từ 80.000.000 đồng đến 100.0000.000 đồng/năm đối với những thành viên học việc cho vay, đi đòi nợ vay, tạt sơn, nhắn tin, gọi điện thoại đòi nợ. Mạnh C đã bỏ ra số tiền khoảng 2.200.000.000 đồng để cho vay và thu lợi bất chính số tiền 4.103.992.200 đồng.

- **Nhóm cho vay tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Chu Mạnh C thuê căn hộ C chung cư P, địa chỉ số B L, phường P, Quận G để các thành viên trong nhóm gồm Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1 và Trần Quốc T8 ở và thực hiện hoạt động cho vay, cụ thể:

+ Nguyễn Văn Q: Hoạt động cho vay từ tháng 4/2023, được Mạnh C giao nhiệm vụ là người trực tiếp duyệt cho vay và hướng dẫn thủ tục để người vay, nhận giấy tờ bản chính của người vay (Căn cước công dân, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, hộ khẩu, sổ bảo hiểm xã hội...), nhận tiền từ Mạnh C rồi chuyển cho người vay; cùng các thành viên trong nhóm đến nhà người vay, nhấn tin, gọi điện thoại đòi tiền vay; hướng dẫn các thành viên khác trong nhóm nhấn tin, gọi điện thoại đòi tiền vay; hàng ngày chuyển thông tin người vay cho Mạnh C và N4; 21 giờ hàng ngày chuyển tiền nhận từ người vay cho Mạnh C quản lý; 02 đến 03 ngày thì trực tiếp đi giao giấy tờ của người vay thế chấp cho C cất giữ. Q cho ông Nguyễn Anh T12, bà Phan Thị N5, bà Nguyễn Thị Cẩm N7, ông Nguyễn Văn P1 và ông Lê Kim X vay tiền. Những người vay chậm trả tiền thì Mạnh C chỉ đạo Q cùng các thành viên khác trong nhóm gọi điện, nhấn tin để đòi nợ nếu không có kết quả thì tạt sơn vào nhà. Q và nhóm của mình đã tạt sơn vào nhà Ông Nguyễn Anh T12, Bà Phan Thị N5 và Ông Lê Kim X để đòi nợ. Q được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng.

+ Cao Đắc N4: Hoạt động cho vay từ tháng 4/2023, được Mạnh C giao nhiệm vụ làm kế toán, chạy quảng cáo cho vay trên ứng dụng Facebook và thống kê cập nhật trực tiếp những khoản vay của người vay đã được chốt sổ lên ứng dụng Google Drive (có tên Trang T14 với tài khoản baoan95444@gmail.com) do Mạnh C tạo ra, số liệu trên chỉ có C và N4 có quyền cập nhật, chỉnh sửa. Ngoài ra, N4 còn có nhiệm vụ nhắc nhở thành viên trong nhóm dùng các biện pháp mạnh để đòi nợ (đến nhà con nợ đòi, tạt sơn đỏ nơi người vay ở, gọi điện thoại hoặc nhấn tin đòi tiền...), mục đích để các con nợ đóng tiền lãi và gốc đúng hạn. Nguyên được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng.

+ Đỗ Văn C1: Hoạt động cho vay từ đầu tháng 8/2023, được Mạnh C giao cho Nguyễn Văn Q hướng dẫn cách cho vay, đòi nợ, tạt sơn vào nhà của người vay chậm trả tiền hoặc không chịu trả tiền vay; đi cùng với các thành viên trong nhóm đến nhà người vay để tạo áp lực đòi nợ, điện thoại, nhấn tin đòi tiền người vay; trực tiếp cho người vay những khoản vay nhỏ; đi cùng các thành viên trong nhóm xuống tỉnh Bình Dương để cùng đến nhà người vay đòi nợ. Văn C1 đã cùng Trần Quốc T8 tạt sơn vào nhà người vay là Ông Nguyễn Anh T12, Bà Phan Thị N5 và Ông Lê Kim X theo chỉ đạo của Mạnh C và Q. Văn C1 được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 45.000.000 đồng.

+ Trần Quốc T8: Hoạt động cho vay từ giữa tháng 8/2023, được Mạnh C giao cho Nguyễn Văn Q hướng dẫn T8 cách cho vay, đòi nợ, tạt sơn vào nhà của người vay chậm trả tiền hoặc không chịu trả tiền vay; đi cùng với các thành viên trong nhóm đến nhà người vay để tạo áp lực đòi nợ, điện thoại, nhấn tin đòi tiền

người vay; trực tiếp cho người vay những khoản vay nhỏ; đi cùng các thành viên trong nhóm xuống tỉnh Bình Dương để cùng đến nhà người vay đòi nợ. T8 đã cùng Đỗ Văn C1 tạt sơn vào nhà Ông Nguyễn Anh T12, Bà Phan Thị N5 và Ông Lê Kim X theo chỉ đạo của Mạnh C và Q. Quốc T8 được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 38.000.000 đồng.

- **Nhóm cho vay tại** thành phố T và tỉnh Bình Dương: Chu Mạnh C thuê căn hộ căn hộ D505 tại chung cư B, địa chỉ số F P, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1 và Lê Văn H7 ở và thực hiện hoạt động cho vay, cụ thể:

+ Nguyễn Văn N2 và Hoàng Thế N1: Hoạt động cho vay từ giữa tháng 4/2023, ban đầu được Mạnh C cho đi theo Nguyễn Văn Q để học việc. Đến tháng 6/2023, Mạnh C chỉ đạo tách ra 01 nhóm để cho vay tại địa bàn tỉnh Bình Dương và thành phố T nên Văn N2 và Thế N1 được giao nhiệm vụ là người trực tiếp duyệt cho vay và hướng dẫn thủ tục để người vay, nhận giấy tờ bản chính của người vay (Căn cước công dân, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, hộ khẩu, sổ bảo hiểm xã hội...) nhận tiền từ Mạnh C rồi chuyển cho người vay; cùng các thành viên trong nhóm đến nhà người vay, nhấn tin, gọi điện thoại đòi tiền vay; hướng dẫn các thành viên trong nhóm nhấn tin, gọi điện thoại đòi tiền vay; chuyển thông tin người vay cho Mạnh C và N4 để quản lý; 21 giờ hàng ngày chuyển tiền nhận từ người vay cho Mạnh C quản lý; 02 đến 03 ngày thì giao giấy tờ của người vay thế chấp cho N4 mang về đưa Mạnh C cất giữ. Văn Nam được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 124.000.000 đồng, Thế N1 được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng.

+ Lê Quang H: Hoạt động cho vay từ tháng 8/2023, được Mạnh C giao nhiệm vụ là người trực tiếp duyệt cho vay và hướng dẫn thủ tục để vay, nhận giấy tờ bản chính của người vay (Căn cước công dân, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, hộ khẩu, sổ bảo hiểm xã hội...), nhận tiền từ Mạnh C rồi chuyển cho người vay; cùng các thành viên trong nhóm đến nhà người vay, nhấn tin, gọi điện thoại đòi tiền vay hoặc tạt sơn vào nhà người vay; chuyển thông tin người vay cho Mạnh C và N4 để quản lý; 21 giờ hàng ngày chuyển tiền nhận từ người vay cho C quản lý; 02 đến 03 ngày thì giao giấy tờ của người thế chấp cho N4 mang về cho Mạnh C cất giữ. H được Mạnh C trả công nhiều lần với tổng số tiền là 48.000.000 đồng.

Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1 và Lê Quang H đã cho Bà Phan Thị Hương T13, ông Trần Duy L5 vay tiền. Ngày 04/12/2023, Văn N2 và nhóm của mình đã tạt sơn vào nhà ông Trần Duy L5 để đòi nợ.

+ Hà Bá T3: Hoạt động cho vay từ cuối tháng 11/2023 cho đến khi bị bắt, được Mạnh C giao cho Hoàng Thế N1 lo chỗ ở, ăn uống, hướng dẫn cách cho vay, đòi nợ, tạt sơn vào nhà của người vay chậm trả tiền hoặc không chịu trả tiền vay; đi cùng với các thành viên trong nhóm đến nhà người vay để đòi nợ, gọi điện thoại, nhấn tin đòi tiền người vay; trực tiếp cho người vay những khoản vay nhỏ; đi cùng các thành viên trong nhóm đến Thành phố Hồ Chí Minh để đến nhà người vay đòi nợ. Ngày 04/12/2023, T3 đi cùng các thành viên trong nhóm tạt sơn vào

nhà ông Trần Duy L5 theo chỉ đạo của Văn N2, T. Thuyền được Mạnh C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

+ Đỗ Tùng L1: Hoạt động cho vay từ tháng 10/2023, được Mạnh C giao cho Nguyễn Văn N2 lo chỗ ở, ăn uống, hướng dẫn cách cho vay, đòi nợ, tạt sơn vào nhà của người vay chậm trả tiền hoặc không chịu trả tiền vay; đi cùng với các thành viên trong nhóm đến nhà người vay để đòi nợ, gọi điện thoại, nhắn tin đòi tiền người vay; trực tiếp cho người vay những khoản vay nhỏ; đi cùng các thành viên trong nhóm đến Thành phố Hồ Chí Minh để đến nhà người vay đòi nợ. Ngày 04/12/2023, L1 đi cùng các thành viên trong nhóm tạt sơn vào nhà ông Trần Duy L5 theo chỉ đạo của Văn N2, T. L5 được C trả tiền công nhiều lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được những người vay tiền của C cùng đồng phạm, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Anh T12 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hai hình thức:

Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 18/9/2023, ông T12 vay dưới hình thức trả góp tổng cộng 19 lần vay, số ngày vay theo thỏa thuận là 25 ngày/lần vay, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất 360%/năm. Tổng số tiền ông T12 đã vay là 245.000.000 đồng, phí dịch vụ là 12.250.000 đồng, ông T12 đã góp được 185.750.000 đồng, còn nợ tiền gốc 93.000.000 đồng. Q thu lợi bất chính với số tiền là 46.000.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Từ ngày 02/7/2023 đến ngày 13/9/2023, ông T12 vay dưới hình thức trả lãi đứng tổng cộng 15 lần vay, lãi suất 45%/tháng tương đương lãi suất 540%/năm. Tổng số tiền ông T12 đã vay là 210.000.000 đồng, phí dịch vụ là 10.500.000 đồng, ông T12 đã trả lãi được 87.750.000 đồng, còn nợ tiền gốc 210.000.000 đồng. Q thu lợi bất chính với số tiền là 84.484.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Như vậy, tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 455.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 22.750.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của Ông Nguyễn Anh T12 là 130.484.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), ông T12 còn nợ tiền gốc là 303.000.000 đồng.

2. Bà Phan Thị N5 vay tiền của Nguyễn Văn Q dưới hình thức: Trả góp số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 02/9/2023 với số ngày vay theo thỏa thuận là 24 ngày, phí dịch vụ là 2.500.000 đồng, lãi suất 25%/tháng tương đương lãi suất 300%/năm, bà N5 góp đến ngày 28/11/2023 thì tất toán khoản vay. Q thu lợi bất chính của bà N5 với số tiền là 11.453.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

3. Ông Lê Kim X vay tiền của Nguyễn Văn Q từ ngày 15/3/2023 đến 24/7/2023 dưới hình thức: Trả góp tổng cộng 17 lần vay với tổng số tiền vay là 170.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 31 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 8.500.000 đồng, lãi suất 22%/tháng tương đương lãi suất 264%/năm. Ông

X đã góp được 192.000.000 đồng và còn thiếu 18.800.000 đồng. Q thu lợi bất chính của ông X với số tiền là 43.931.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

4. Ông Nguyễn Văn P1 vay tiền của Nguyễn Văn Q từ ngày 07/4/2023 đến 23/12/2023 bằng hình thức: Vay trả góp tổng cộng 57 lần vay với tổng số tiền vay là 264.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 25 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 13.900.000 đồng, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất 365%/năm. Ông P1 đã góp được 324.000.000 đồng và còn thiếu 17.100.000 đồng. Q thu lợi bất chính của ông P1 với số tiền là 73.543.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

5. Ông Lê Thành N6 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hai hình thức:

Từ ngày 14/8/2023 đến 04/11/2023 ông N6 vay bằng hình thức vay đứng tổng cộng 04 lần vay với tổng số tiền vay là 240.000.000 đồng, phí dịch vụ đã đóng là 12.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất 360%/năm. Ông N6 đã trả lãi được 150.100.000 đồng và chưa trả tiền gốc 240.000.000 đồng. Q thu lợi bất chính của ông N6 với số tiền là 139.863.200 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 01/9/2023 ông N6 vay dưới hình thức trả góp tổng cộng 10 lần vay, số ngày vay theo thỏa thuận là 25 ngày/lần vay, lãi suất vay 30%/tháng tương đương lãi suất 360%/năm. Tổng số tiền ông N6 đã vay là 300.000.000 đồng, phí dịch vụ đã đóng là 15.000.000 đồng, ông N6 đã góp được 375.000.000 đồng và đã tắt toán khoản vay. Q thu lợi bất chính với số tiền là 70.800.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Như vậy, tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 540.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 27.000.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của Ông Lê Thành N6 là 210.663.200 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), ông N6 còn nợ tiền gốc là 240.000.000 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Cẩm N7 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hai hình thức:

Từ ngày 28/7/2023 đến ngày 09/10/2023, bà N7 vay dưới hình thức trả góp tổng cộng 126 lần vay, số ngày vay theo thỏa thuận là 24 ngày/lần vay, lãi suất vay 20%/tháng tương đương lãi suất 300%/năm. Tổng số tiền bà N7 đã vay là 1.690.000.000 đồng, phí dịch vụ là 221.000.000 đồng, bà N7 đã góp được 2.652.000.000 đồng và đã tắt toán khoản vay. Q thu lợi bất chính với số tiền là 634.966.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Từ ngày 03/8/2023 đến ngày 09/10/2023, bà N7 vay dưới hình thức trả lãi đứng tổng cộng 13 lần vay với lãi suất 60%/tháng tương đương lãi suất 720%/năm. Tổng số tiền bà N7 đã vay là 305.000.000 đồng, phí dịch vụ là 33.000.000 đồng, bà N7 đã trả lãi được 871.800.000 đồng và đã tắt toán khoản vay. Q thu lợi bất chính với số tiền là 898.721.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Như vậy, tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 1.995.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 254.000.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của Bà Nguyễn Thị Cẩm N7 là 1.533.687.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), bà N7 đã tất toán toàn bộ khoản vay.

7. Ông Trần Lâm D vay tiền của Hoàng Thế N1 từ ngày 05/8/2023 đến 10/9/2023 bằng hình thức: Vay trả góp tổng cộng 03 lần vay với tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 21 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 9.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất 360%/năm. Ông D đã góp được 75.000.000 đồng và còn nợ số tiền 33.600.000 đồng. Thế Nam thu lợi bất chính của ông D với số tiền là 26.581.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

8. Bà Phan Thị Hương T13 vay tiền của Hoàng Thế N1 bằng hai hình thức:

Từ ngày 14/8/2023 đến ngày 24/12/2023, bà T13 vay dưới hình thức trả góp tổng cộng 23 lần vay với số ngày vay theo thỏa thuận là 23 ngày/lần vay, lãi suất là 38%/tháng tương đương lãi suất 456%/năm. Tổng số tiền bà T13 đã vay là 2.850.000.000 đồng, phí dịch vụ là 165.000.000 đồng, bà T13 đã góp được 3.618.000.000 đồng và còn nợ số tiền 315.000.000 đồng. Thế Nam thu lợi bất chính với số tiền là 1.127.760.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Từ ngày 24/8/2023 đến ngày 12/12/2023, bà T13 vay dưới hình thức trả lãi đứng tổng cộng 13 lần vay với lãi suất 60%/tháng tương đương lãi suất 720%/năm. Tổng số tiền bà T13 đã vay là 880.000.000 đồng, phí dịch vụ là 98.500.000 đồng, bà T13 đã trả lãi được 871.800.000 đồng và chưa tất toán khoản vay. Thế Nam thu lợi bất chính với số tiền là 945.889.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định).

Như vậy, tổng số tiền gốc Thế N1 đã cho vay là 3.730.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 263.500.000 đồng tổng số tiền Thế N1 đã thu lợi bất chính của Bà Phan Thị Hương T13 là 2.073.650.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), bà T13 còn nợ tiền gốc là 1.195.000.000 đồng.

***Vật chứng của vụ án:** 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max 6 Plus, 01 điện thoại hiệu Iphone 6, 01 điện thoại hiệu Iphone 6, 01 điện thoại hiệu Iphone XS, 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Pro max, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 Pro max, 01 máy tính nhãn hiệu Asus màu đen, 01 máy tính nhãn hiệu Dell màu trắng bạc, 01 điện thoại Iphone màu đen không rõ chủng loại, 01 điện thoại hiệu iphone XS Max, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Pro, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Pro, 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Z flip4, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 12 ProMax.

***Về trách nhiệm dân sự:** Ông Nguyễn Anh T12, bà Phan Thị N5, ông Lê Kim X, ông Nguyễn Văn P1, bà Nguyễn Thị Cẩm N7, ông Trần Lâm D, bà Phan Thị Hương T13 yêu cầu được nhận lại số tiền lãi mà các bị cáo đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay.

**Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKS-P2 ngày 24/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H về tội tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Bị cáo Chu Mạnh C2 nhất trí trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cũng như nộp lại nhà nước các khoản tiền thu lợi bất chính, bị cáo cũng đã xác nhận đã dùng tiền thu lợi bất chính để trả công cho Cao Đắc N4 số tiền 140.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q số tiền 170.000.000 đồng, Đỗ Văn C1 số tiền 45.000.000 đồng, Trần Quốc T8 số tiền 38.000.000 đồng, Nguyễn Văn N2 số tiền 124.000.000 đồng, Hoàng Thế N1 số tiền 190.000.000 đồng, Hà Bá T3 số tiền 35.000.000 đồng, Đỗ Tùng L1 số tiền 70.000.000 đồng, Lê Quang H số tiền 48.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm N7 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Chu Mạnh C trả lại số tiền thu lợi bất chính là 1.533.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Lan A xác nhận có mở tài khoản ngân hàng cho chồng là Chu Mạnh C quản lý, sử dụng và không biết việc C phạm pháp, cũng như không tham gia phạm tội cùng với C.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh T12, Phan Thị N5, Lê Kim X, Nguyễn Văn P1, Trần Lâm D và Phan Thị Hương T13 không có mặt tại phiên tòa, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì đều yêu cầu được nhận lại số tiền lãi mà các bị cáo đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm kết luận vụ án: Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Chu Mạnh C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 50.000.000 đồng.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Tùng L1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng.

4/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Quang H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng.

5/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Thế N1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng.

6/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hà Bá T3 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng.

7/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng.

8/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng.

9/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Quốc T8 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng.

10/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Đắc N4 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước khoản tiền gốc và tiền lãi ngoài mức 20%/năm mà bị cáo cho những người vay tiền để thu lợi bất chính; trả lại số tiền lãi mà bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của những người vay tiền với mức lãi suất từ trên 20%/năm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị về xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H không trình bày lời bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm N7, Lê Thị Lan A không có tranh luận gì khác.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh T12, Phan Thị N5, Lê Kim X, Nguyễn Văn P1, Trần Lâm D và Phan Thị Hương T13, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai cần thiết cho việc xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám xét, dữ liệu trích xuất từ điện thoại, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu..., lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì mục đích vụ lợi, Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H tổ chức thực hiện cho vay nặng lãi, cụ thể: Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023, Chu Mạnh C đã thuê Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H và phân công nhiệm vụ chạy quảng cáo, tìm người vay tiền, thu lãi, ghi chép sổ sách, nhắn tin đòi tiền và tạt sơn người vay không trả tiền cho từng thành viên trong nhóm. Theo sự chỉ đạo của Chu Mạnh C, các bị cáo đã cho các anh, chị Nguyễn Anh T12, Phan Thị N5, Lê Kim X, Nguyễn Văn P1, Lê Thành N6, Nguyễn Thị Cẩm N7, Trần Lâm D, Phan Thị Hương T13 vay tiền với lãi suất từ

280%/năm đến 720%/năm, cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 4.103.992.200 đồng.

Hành vi nêu trên của Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thuộc trường hợp thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H đều là những người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H đều phạm tội nhiều lần và khi phạm tội đều là đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, nên các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải và các bị cáo phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên đây là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân các bị cáo đều phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự và lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, song tính chất phạm tội của các bị cáo là nhiều lần, có tổ chức cấu kết chặt chẽ với nhau một thời gian dài, đã có hành vi ném sơn vào những gia đình chậm thanh toán nợ ở nhiều địa phương khác nhau, gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến an toàn xã hội, nên cần thiết phải có một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đối với các bị cáo, trên cơ sở tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo với vai trò đồng phạm có tổ chức theo các quy định tại Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hình phạt tù đối với các bị cáo là nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung, cũng để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

[6] Trên cơ sở khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn bị phạt tiền bổ sung. Xét bị cáo Chu Mạnh C là chủ mưu, là người cung cấp tiền vật chất cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính, nên Hội đồng xét xử buộc Chu Mạnh C phải nộp phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo còn lại là đồng phạm giúp sức cho Chu Mạnh C và được Chu Mạnh C trả lương, nên miễn hình phạt bổ sung, song buộc phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính đã nhận của Chu Mạnh C, tổng cộng là 960.000.000 đồng, cụ thể: Cao Đắc N4 phải nộp lại số tiền 140.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q phải nộp lại số tiền 170.000.000 đồng, Đỗ Văn C1 phải nộp lại số tiền 45.000.000 đồng, Trần Quốc T8 phải nộp lại số tiền 38.000.000 đồng, Nguyễn Văn N2 phải nộp lại số tiền 124.000.000 đồng, Hoàng Thế N1 phải nộp lại số tiền 190.000.000 đồng, Hà Bá T3 phải nộp lại số tiền 35.000.000 đồng, Đỗ Tùng L1 phải nộp lại số tiền 70.000.000 đồng, Lê Quang H phải nộp lại số tiền 48.000.000 đồng.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Văn Q, Hoàng Thế N1 nhảu tin chử người vay Nguyễn Anh T12, Phan Thị N5, Trần Duy L5 và Lê Kim X để đòi tiền đã cho vay nhưng không đe dọa tính mạng, sức khỏe của người vay và người thân của họ, chưa đến mức buộc những người vay phải trả tiền hoặc đưa tiền ngay nên Cơ quan điều tra cho rằng chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” đối với các bị cáo, mặc dù Viện kiểm sát đã trả hồ sơ để điều tra về nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

Đối với hành vi của Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H tạt sơn vào nhà những người vay Nguyễn Anh T12, Phan Thị N5, Trần Duy L5 và Lê Kim X để đòi tiền. Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản bị hủy hoại tuy nhiên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh từ chối định giá vì không đủ thời gian và thông tin tài sản để tiến hành định giá. Do vậy, ngày 07/11/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên không xem xét và đề cập đến.

Đối với Lê Thị Lan A là người sống chung như vợ chồng với Chu Mạnh C, theo yêu cầu của Chu Mạnh C thì Lê Thị Lan A đã mở tài khoản số 9018707979 tại Ngân hàng T15 rồi giao cho Chu Mạnh C toàn quyền sử dụng, đồng thời Lê Thị Lan A không tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng của C, nên Cơ quan điều tra đã không xem xét hành vi mở tài khoản của Lê Thị Lan A, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm luận tội của đại diện

Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đồng thời chấp nhận mức án tù có thời hạn và chấp nhận một phần về hình phạt bổ sung như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa, cũng như chấp nhận đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đều hợp pháp

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại hiệu Iphone 6, 01 điện thoại hiệu Iphone XS, 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus, 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Pro max, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 Pro max, 01 máy tính nhãn hiệu Asus màu đen, 01 máy tính nhãn hiệu Dell màu trắng bạc, 01 điện thoại Iphone màu đen không rõ chủng loại, 01 điện thoại hiệu iphone XS Max, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Pro, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Pro, 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Z flip4, 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax, 01 điện thoại hiệu Iphone 12 ProMax. Là vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ.

[11] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Anh T12, chị Phan Thị N5, anh Lê Kim X, anh Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Cẩm N7, anh Trần Lâm D, chị Phan Thị Hương T13 yêu cầu được nhận lại số tiền lãi mà các bị cáo đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay, cụ thể:

+ Anh Nguyễn Anh T12 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hai hình thức: Tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 455.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 22.750.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của anh Nguyễn Anh T12 là 130.484.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), anh T12 còn nợ tiền gốc là 303.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Anh T12 phải nộp lại số tiền 303.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước và không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Anh T12 về việc buộc các bị cáo phải trả lại khoản tiền lãi đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay.

+ Anh Lê Thành N6 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hai hình thức: tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 540.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 27.000.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của anh Lê Thành N6 là 210.663.200 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), anh N6 còn nợ tiền gốc là 240.000.000 đồng. Nên Hội đồng

xét xử buộc anh Lê Thành N6 phải nộp lại số tiền 240.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Chị Phan Thị Hương T13 vay tiền của Hoàng Thế N1 bằng hai hình thức: tổng số tiền gốc Thế Nam đã cho vay là 3.730.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 263.500.000 đồng, tổng số tiền Thế N1 đã thu lợi bất chính của chị Phan Thị Hương T13 là 2.073.650.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), chị T13 còn nợ tiền gốc là 1.195.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử buộc chị Phan Thị Hương T13 phải nộp lại số tiền 1.195.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Anh Trần Lâm D vay tiền của Hoàng Thế N1 từ ngày 05/8/2023 đến 10/9/2023 bằng hình thức: Vay trả góp tổng cộng 03 lần vay với tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 21 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 9.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất 360%/năm. Anh D1 đã góp được 75.000.000 đồng và còn nợ số tiền 33.600.000 đồng. Thế Nam thu lợi bất chính của anh D1 với số tiền là 26.581.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định). Nên buộc Trần Lâm D phải nộp lại số tiền 7.019.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Chị Phan Thị N5 vay tiền của Nguyễn Văn Q dưới hình thức: Trả góp số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 02/9/2023 với số ngày vay theo thỏa thuận là 24 ngày, phí dịch vụ là 2.500.000 đồng, lãi suất 25%/tháng tương đương lãi suất 300%/năm, chị N5 góp đến ngày 28/11/2023 thì tất toán khoản vay. Q thu lợi bất chính của chị N5 với số tiền là 11.453.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định). Nên buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho chị N5 với số tiền là 11.453.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm N7 vay tiền của Nguyễn Văn Q bằng hình thức: tổng số tiền gốc Q đã cho vay là 1.995.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 254.000.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính của chị Nguyễn Thị Cẩm N7 là 1.533.687.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định), chị N7 đã tất toán toàn bộ khoản vay. Nên buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho chị N7 với số tiền là 1.533.687.000 đồng.

+ Anh Lê Kim X vay tiền của Nguyễn Văn Q từ ngày 15/3/2023 đến 24/7/2023 dưới hình thức: Trả góp tổng cộng 17 lần vay với tổng số tiền vay là 170.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 31 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 8.500.000 đồng, lãi suất 22%/tháng tương đương lãi suất 264%/năm. Anh X đã góp được 192.000.000 đồng và còn thiếu 18.800.000 đồng. Q thu lợi bất chính của anh X với số tiền là 43.931.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định). Nên buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho anh X với số tiền là 25.131.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn P1 vay tiền của Nguyễn Văn Q từ ngày 07/4/2023 đến ngày 23/12/2023 bằng hình thức: Vay trả góp tổng cộng 57 lần vay với tổng số tiền vay là 264.000.000 đồng, số ngày vay theo thỏa thuận là 25 ngày/lần vay, phí dịch vụ đã đóng là 13.900.000 đồng, lãi suất 30%/tháng tương đương lãi suất

365%/năm. Anh P1 đã góp được 324.000.000 đồng và còn thiếu 17.100.000 đồng. Q thu lợi bất chính của anh P1 với số tiền là 73.543.000 đồng (đã trừ 20% lãi suất theo quy định). Nên buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho anh P1 với số tiền là 56.253.000 đồng.

- Đối với số tiền gốc bị cáo Chu Mạnh C đã bỏ ra để cho vay lãi là 2.200.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền anh Nguyễn Anh T12 phải nộp lại số tiền 303.000.000 đồng, anh Lê Thành N6 phải nộp lại số tiền 240.000.000 đồng, anh Trần Lâm D phải nộp lại số tiền 7.019.000 đồng và chị Phan Thị Hương T13 phải nộp lại số tiền 1.195.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước, thì Hội đồng xét xử còn buộc Chu Mạnh C phải nộp số tiền còn lại là 457.981.000 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo Chu Mạnh C đã thu của người vay, gồm: Tổng số tiền bị cáo Chu Mạnh C đã thu được là 4.103.992.200 đồng, sau khi trừ đi các khoản thu lợi bất chính mà Chu Mạnh C phải trả cho chị N5 với số tiền là 11.453.000 đồng, trả cho chị N7 với số tiền là 1.533.687.000 đồng, trả cho anh X với số tiền là 25.131.000 đồng, trả cho anh P1 với số tiền là 56.253.000 đồng và đã dùng tiền thu lợi bất chính để trả lương cho các bị cáo khác là 960.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Chu Mạnh C phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính còn lại là 1.517.468.200 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

1.1/ Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Chu Mạnh C 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

Buộc bị cáo Chu Mạnh C phải nộp số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.3/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Tùng L1 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.4/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Quang H 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.5/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hoàng Thế N1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.6/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hà Bá T3 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.7/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.8/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.9/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T8 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

1.10/ Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Cao Đắc N4 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

2/ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

2.1/ Về biện pháp tư pháp:

2.1.1/ Buộc anh Nguyễn Anh T12 phải nộp lại số tiền 303.000.000 (Ba trăm linh ba triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước và không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Anh T12 về việc buộc các bị cáo phải trả lại khoản tiền lãi đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay.

2.1.2/ Buộc anh Lê Thành N6 phải nộp lại số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.3/ Buộc chị Phan Thị Hương T13 phải nộp lại số tiền 1.195.000.000 (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.4/ Buộc anh Trần Lâm D phải nộp lại số tiền 7.019.000 (Bảy triệu, không trăm mười chín nghìn) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.1.5/ Buộc Chu Mạnh C phải nộp số tiền gốc mà bị cáo bỏ ra để cho vay lãi còn lại là 457.981.000 (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi một nghìn) đồng.

2.1.6/ Buộc bị cáo Chu Mạnh C phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính là 1.517.468.200 (Một tỷ, năm trăm mười bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.1.7/ Về khoản tiền buộc các bị cáo còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau: Buộc bị cáo Cao Đắc N4 phải nộp lại số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng; bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp lại số tiền 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng; bị cáo Đỗ Văn C1 phải nộp lại số tiền 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng; bị cáo Trần Quốc T8 phải nộp lại số tiền 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng; bị cáo Nguyễn Văn N2 phải nộp lại số tiền 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng; bị cáo Hoàng Thế N1 phải

nộp lại số tiền 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu) đồng; bị cáo Hà Bá T3 phải nộp lại số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng; bị cáo Đỗ Tùng L1 phải nộp lại số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu đồng); bị cáo Lê Quang H phải nộp lại số tiền 48.000.000 (Bốn mươi tám triệu) đồng.

Việc nộp khoản tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2/ Về khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo Chu Mạnh C phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

2.2.1/ Buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho chị Phan Thị N5 với số tiền là 11.453.000 (Mười một triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

2.2.2/ Buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm N7 với số tiền là 1.533.687.000 (Một tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

2.2.3/ Buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho anh Lê Kim X với số tiền là 25.131.000 (Hai mươi lăm triệu, một trăm ba mươi một nghìn) đồng.

2.2.4/ Buộc Chu Mạnh C phải trả lại cho anh Nguyễn Văn P1 với số tiền là 56.253.000 (Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3/ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max (bể lưng, I khay sim 54699, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 6 (màn bể, bung phù pin, I khay sim : ...31880, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 6 (Imei sau lưng : 379325, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone X (pin phù bung bể, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus (máy phù pin bung, model A1687, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Pro max (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu vàng, Imei khay sim :...67832, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 15 Pro max (thực nhận 01 đtdd kiểu

dáng Iphone màu ghi, màn bề, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 máy tính nhãn hiệu Asus màu đen (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 máy tính nhãn hiệu Dell màu trắng bạc (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại Iphone màu đen không rõ chủng loại (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu iphone XS Max (màu đen, Imei khay sim : ...305631, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu ghi, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Pro (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu xanh, I khay sim không, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 14 ProMax (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu tím, không Imei khay sim, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Pro (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu vàng, Imei khay sim: 272241, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu S2 flip4 (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 15 ProMax (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu ghi, không Imei khay sim, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại hiệu Iphone 12 ProMax (thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu xanh, Imei khay sim : 181952, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/092 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thương vụ Q1,

Các bị cáo Chu Mạnh C, Cao Đắc N4, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn C1, Trần Quốc T8, Nguyễn Văn N2, Hoàng Thế N1, Hà Bá T3, Đỗ Tùng L1, Lê Quang H, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/12/2025) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|------|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (3) |
| - THADS TPHCM; | (1) |
| - Trại tạm giam; | (10) |
| - Bị cáo; | (10) |
| - Đường sự; | (9) |
| - THAHS; | (10) |
| - P. PV06 - CA TPHCM; | (1) |
| - Sở Tư pháp | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (10) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (64) | (8) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn